TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Quốc.

2. Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Tiến Dũng -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 10/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2023/TLST- HNGĐ ngày 13/4/2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị T**; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Bản X, xã E, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn Đ**; Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Bản X, xã E, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Hiện đang chấp hành án tại Đội 10, phân trại 1- Trại giam Quảng Ninh, Cục C10, Bộ Công an; Địa chỉ: Xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2023 và biên bản lấy lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuận Châu. Nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Quàng Văn Đ kết hôn với nhau từ ngày 27/9/2010 tại UBND xã E, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh Đ chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh Đ bị xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quảng Ninh, Cục C10, Bộ Công an. Chị T nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho chị được ly hôn anh Quàng Văn Đ.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung : Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung: Cháu Quàng Văn N, sinh ngày 07/11/2010 và cháu Quàng Thị Đ, sinh ngày 11/01/2013. Nay ly hôn nguyện vọng của chị T là được

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về tài sản riêng: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 20/4/2023 anh Quàng Văn Đ khai xác nhận: Quá trình kết hôn giữa anh và chị Lường Thị T như lời khai của chị T là đúng. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì với nhau. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 07/7/2023 anh Quàng Văn Đ khai xác nhận:

- Về hôn nhân: Quá trình kết hôn giữa anh và chị Lường Thị T như lời khai của chị T là đúng. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì với nhau đến khi anh bị bắt thì chị T muốn ly hôn với anh. Anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung đúng như chị T khai. Nay ly hôn nguyện vọng của anh là để 02 con chung cho ông, bà nội nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị T không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán : Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng :

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo

quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lường Thị T: Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Quàng Văn Đ: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, do anh Đ đang chấp hành án tại Trại giam Quảng Ninh, Cục C10, Bộ Công an và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Lường Thị T được ly hôn với anh Quàng Văn Đ.

- *Về con chung:* Xử giao cháu Quàng Văn N, sinh ngày 07/11/2010 và cháu Quàng Thị Đ, sinh ngày 11/01/2013 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Quàng Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Quàng Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị T.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lường Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lường Thị T: Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn anh Quàng Văn Đ : Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng do anh Đ đang chấp hành án tại Trại giam Quảng Ninh, Cục

C10, Bộ Công an và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lường Thị T và anh Quàng Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 27/9/2010 tại UBND xã E, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối, đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh Đ bị xét xử 16 năm về tội mua bán trái phép chất ma túy hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quảng Ninh, Cục C10, Bộ Công an. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ và chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ, anh Đ nhất trí ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T ly hôn với anh Đ.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung: Cháu Quàng Văn N, sinh ngày 07/11/2010 và cháu Quàng Thị Đ, sinh ngày 11/01/2013. Nay ly hôn nguyện vọng của chị T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có nguyện vọng là để 02 con chung cho ông, bà nội nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của các con chưa thành niên, xem xét chị T có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Tại biên bản ghi ý kiến cháu Quàng Văn N và cháu Quàng Thị Đ đều có nguyện vọng ở với mẹ. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy hiện anh Đ đang chấp hành án 16 năm tù tại Trại giam Quảng Ninh, Cục C10, Bộ Công an không thể có điều kiện chăm sóc các con, việc giao các cháu cho ông, bà nội của các cháu là không đúng quy định của pháp luật, do đó giao 02 cháu cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu là hợp tình, hợp lý để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu có những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi các con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, sau khi ly hôn anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4].Về tài sản chung: Không có.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung: Không có.

[7]. Về án phí: Chị Lường Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị T.

[8]. Về quyền kháng cáo : Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị T được ly hôn với anh Quàng Văn Đ.

2. Về con chung: Xử giao cháu cháu Quàng Văn N, sinh ngày 07/11/2010 và cháu Quàng Thị Đ, sinh ngày 11/01/2013 cho chị Lường Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Quàng Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị T.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị T, anh Quàng Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã E, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải